

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày: 19/6/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp
hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lợi;
2. Ông Đoàn Văn Lược.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hi, sinh năm 1975. Địa chỉ: tổ a, ấp b xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ c, ấp d, xã, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ c, ấp d, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hi trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hi là chủ dây hụi gồm có 22 người tham gia, trong đó có bà Nguyễn Thị H là hụi viên. Ngày 15/10/2017 bà H có giao cho bà Hi số tiền ăn hụi là 103.000.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu đồng), được tính cụ thể như sau: Bà H phải đóng hụi chết 5.000.000 đồng x 21 phần là 105.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi đi gom hụi là 2.000.000 đồng, còn lại 103.000.000 đồng, bà Hi với bà H thỏa

thuận với bà H sẽ đóng tiền hụi chết hàng tháng (Vào ngày 15 dương lịch) là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Kể từ ngày 15/11/2017 đến ngày 15/02/2019, bà H đã đóng tiền hụi cho bà Hiền số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), sau đó bà H không đóng tiền hụi chết cho bà Hi nữa, tính đến ngày 15/02/2019 thì bà H còn nợ lại số tiền hụi là 81.000.000 đồng, bà Hi đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H không thực hiện như thỏa thuận giữa hai bên, bà Hi khẳng định bà H là người tham gia chơi hụi và nhận số tiền 103.000.000 đồng từ bà Hi. Do đó, bà Hi khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên buộc bà H phải trả lại số tiền hụi là 81.000.000 đồng (Tám mươi một triệu đồng) theo chứng cứ là Giấy nhận tiền hụi ngày 15/10/2017, bà Hi không yêu cầu tiền lãi. Đồng thời, bà Hi không đồng ý cho bà H trả tiền hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi hụi với bà Hi, do dây hụi này bà H tham gia dây hụi với bà Hi để bảo lãnh cho người bạn tên là Vũ Thị D sống cùng ấp, vì bà Hiền không cho bà D tham gia chơi hụi vào dây hụi này nên bà H đứng ra dùng tên của mình để bảo lãnh cho bà D trực tiếp chơi hụi với bà Hi. Bà H cho rằng đây là số nợ của bà D nợ tiền chơi hụi với bà Hi.

Bà H thừa nhận bà là người ký tên vào giấy nhận tiền hụi ngày 15/10/2017 về việc bà Hi giao số tiền hụi là 103.000.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu đồng), tuy nhiên thực tế số tiền trên do bà D nhận.

Bà H có bỏ tiền ra để thanh toán cho bà Hi số tiền 22.000.000 đồng cho bà Hi và còn nợ lại 81.000.000 đồng. Ngoài ra, bà D đã góp cho bà Hi được 40.000.000 đồng nhưng bà D không có giấy tờ chứng minh, hiện tại bà D còn nợ lại 41.000.000 đồng thì bà D có trách nhiệm thanh toán cho bà Hi.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hi, bị đơn bà Nguyễn Thị H không đồng ý, do bà Vũ Thị D mới là người sử dụng số tiền đã hốt với bà Hi và bà H không nhận, không sử dụng số tiền hụi 103.000.000 đồng của bà Hi giao. Bà H yêu cầu bà Hi cho bà H và bà D trả dần hàng tháng như trước đây mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền nợ là 41.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị D trình bày:

Do hoàn cảnh khó khăn nên bà D có nhờ bà H đứng ra bảo lãnh đứng tên để chơi phần hụi là số tiền 5.000.000 đồng/tháng do bà Hi làm chủ, dây hụi gồm 22 người tham gia, khai lần đầu bà Hi chỉ cho ăn 11 phần, do không đủ tiền xoay thêm bên ngoài nên bà D có nhờ bà H đứng ra ăn dùm 11 phần là 22 phần nên bà H mới đứng tên ăn hụi và gánh nợ phần hụi chết là 103.000.000 đồng, thực tế số tiền 103.000.000 đồng là do bà D nợ bà H, bà H chỉ là người đứng tên, bà H không phải là người nợ số tiền trên. Bà D có đưa cho bà H đã góp được số tiền 22.000.000 đồng cho bà Hi; ngoài ra, bà D có góp dần cho bà Hi 40.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh. Bà D đề nghị bà Hi cho bà D và bà H trả góp mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Đ, huyện Bắc Tân Uyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà Hi yêu cầu bà H thanh toán số tiền hui là 81.000.000 đồng còn nợ (Đã thanh toán được 22.000.000 đồng), bà H thừa nhận có đứng ra chơi hui do bà Hi làm chủ và chính là người ký tên giấy nhận tiền hui của bà Hi với số tiền là 103.000.000 đồng, nhưng thực tế bà H là ký tên bảo lãnh cho bà D nhận 22 phần tiền hui (Tương đương số tiền 103.000.000 đồng). Đã thanh toán được 22.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H cho rằng bà D đã thanh toán được số tiền hui 40.000.000 đồng cho bà Hi nhưng không có giấy tờ giao tiền; bà D cho rằng đã thanh toán cho bà Hi với tổng số tiền hui chết là 40.000.000 đồng nhưng bà D không có giấy tờ chứng minh.

[3] Bà Hi và bà H thống nhất số tiền nhận hui là 103.000.000 đồng và bà H đã thanh toán được số tiền hui 22.000.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh phù hợp với khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét việc tham gia chơi hui: Theo giấy nhận tiền hui ngày 15/10/2017 bà H là người tham gia chơi hui và chính là người ký nhận số tiền hui với bà Hi do đó bà H là thành viên trong dây hui theo khoản 2 Điều 4 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019: *“Thành viên là người tham gia dây họ, góp phần họ, được lĩnh họ và trả lãi (nếu có)”*.

[5] Bà H và bà D thống nhất cho rằng bà H không tham gia chơi hui với bà Hi, thực tế bà H chỉ ký giấy nhận tiền hui với bà Hi nhằm mục đích bảo lãnh cho bà D để hót 22 phần hui nhưng không được bà Hi đồng ý, đồng thời bà Hi đã giao số tiền ăn hui 103.000.000 đồng cho bà H là có cơ sở; bà H và bà D không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc bà H đồng ý cho bà H đứng ra bảo lãnh cho bà D hót hui nên cần buộc bà H thanh toán số tiền hui còn nợ là 81.000.000 đồng cho bà Hi.

[6] Bà H và bà D khai bà D đã thanh toán cho bà Hi được 40.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, bà Hi cũng không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà H và bà D.

[7] Bà H và bà D cho rằng bà H không sử dụng số tiền ăn hui mà chỉ bảo lãnh cho bà D, việc này bà Hi không thừa nhận; Bà H cho rằng bà chuyển giao cho bà D

nghĩa vụ thanh toán tiềnhui chết cho bà Hi nhưng bà Hi không đồng ý, theo quy định tại khoản 1 Điều 315 của Bộ luật dân sự không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà H. Trong trường hợp giữa bà H và bà D có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà H xin trả dần cho bà Hi mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong số tiền hui còn nợ nhưng bà Hi không đồng ý. Xét ý kiến của bị đơn bà H không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà H.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hiền về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền hui 81.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hi.

[9] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 16, 17 Nghị định số: 19/2019/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hi về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền 81.000.000 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán số tiền 81.000.000 đồng (Tám mươi một triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Hi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hi số tiền 2.025.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030518 ngày 16/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng